

Bản án số: **496/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 21/10/2022
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, THÀNH PHỐ HN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**, Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn YT 1, xã TY, huyện CM, thành phố HN.
(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân V**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn YT 1, xã TY, huyện CM, thành phố HN. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Xuân V** có tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 22/3/2013 tại UBND xã TY, huyện CM, HN. Sau khi chung sống hạnh phúc được vài năm thì chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị ly thân với anh V từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, không ai hỏi han đến ai nên cuộc sống hôn nhân không có ý nghĩa. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa cho chị được ly hôn với anh V để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 28/02/2014. Hiện cháu Gia B đang sinh sống cùng chị T ở nhà ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Xuân V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V xác nhận anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện CM, thành phố HN. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị T đưa con về nhà bà ngoại để sinh sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do vậy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị T có đơn xin ly hôn anh V nhất trí

Về con chung: Anh V xác nhận anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 28/02/2014. Hiện con đang sống cùng chị T, anh tôn trọng nguyện vọng ở cùng bố hoặc mẹ của con, nếu con có nguyện vọng ở với mẹ thì anh nhất trí

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Chị T, anh V đều có đơn đề nghị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nhất trí việc nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân V cư trú tại xã TY, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Xuân V đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T kết hôn với anh Nguyễn Xuân V trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện CM, thành phố HN nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T, anh V và kết quả

thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị T, anh V phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 cho đến nay. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh V đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: chị T, anh V xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 28/02/2014. Hiện con chung đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ, anh V tôn trọng nguyện vọng của con nên nhất trí để chị T nuôi cháu B

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V cho đến khi có thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân V

2. Về con chung: Chị T, anh V có 01 con chung là Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 28/02/2014. Chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076183 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Xuân V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- *Đương sự;*
- *TAND Tp. HN;*
- *VKSND huyện CM;*
- *Chi cục THADS huyện CM;*
- *UBND xã TY, huyện CM, Tp. HN (Trường hợp án có HLPL);*
- *Lưu HSVA – VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng